



# CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ SAO ĐỎ

TRỤ SỞ CHÍNH

Số 1 ngõ 71 Láng Hạ  
Ba Đình, Hà Nội  
Việt Nam

ĐT: (04) 8561942  
Fax: (04) 8561944  
E-mail: [phuc@redstar.com.vn](mailto:phuc@redstar.com.vn)

CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

Số 1 Trần Hưng Đạo  
Đông Hải, An Hải  
TP Hải Phòng  
ĐT: (031) 629562  
(031)-629563  
Fax: (031)766180

**Bảng thông số kỹ thuật máy nén khí trục vít đơn – cố định làm mát bằng nước:**

Kiểu máy Quy cách		FHOG30W	FHOG40W	FHOG50W	FHOG60W	FHOG75W	FHOG100W	FHOG120W	FHOG150W	FHOG180W	FHOG210W
		Lưu lượng / Áp lực khí nén (m <sup>3</sup> /min)(Mpa)	3.6/0.7	5.0/0.7	6.6/0.7	7.8/0.7	10.5/0.7	14.0/0.7	16.8/0.7	21.0/0.7	24.5/0.7
3.4/0.8	4.7/0.8		6.2/0.8	7.3/0.8	10.0/0.8	12.0/0.8	16.0/0.8	19.0/0.8	23.6/0.7	27.5/0.8	
3.3/0.85	4.3/0.85		5.8/0.85	7.0/0.85	9.6/0.85	11.5/0.85	15.3/0.85	17.5/0.85	21.5/0.85	26.0/0.85	
3.0/1.0	4.0/1.0		5.3/1.0	6.3/1.0	9.0/1.0	11.0/1.0	14.0/1.0	16.0/1.0	20.0/1.0	24.8/1.0	
Nhiệt độ khí nén (°C)		40°C									
Electromotor (Động cơ điện)	Công suất (KW)	22	30	37	45	55	75	90	110	132	160
	Tốc độ vòng quay (r/min)	2940	2950		2970			2980			
	Phương thức khởi động	Y- Δ Starting									
	Điện áp (V)	380									
Kích thước máy	Dài (mm)	1470	1820	1820	1980	2200	2200	2350	2550	2550	2550
	Rộng (mm)	920	1170	1170	1100	1350	1350	1600	1700	1700	1700
	Cao (mm)	1270	1350	1350	1350	1470	1470	1600	1600	1600	1600
Trọng lượng (Kg)		860	860	880	1100	1500	1700	2170	2960	3100	3220
Độ ồn [db(A)]		70					72				74
Công suất làm mát (M <sup>3</sup> /h)		0.86	1.5	1.44	1.75	2.28	2.58	4.68	4.68	4.8	4.8
Áp suất hệ thống làm mát (Mpa)		0.2 – 0.4									

Kiểu máy Quy cách		FHOG250W	FHOG270W	FHOG340W	FHOG400W	FHOG430W	FHOG480W	FHOG570W	FHOG670W	FHOG970W	FHOG1220W	
		Lưu lượng / Áp lực khí nén (m <sup>3</sup> /min)(Mpa)	33.8/0.7	36.6/0.7	44.0/0.7	53.0/0.7	57.6/0.7	64.5/0.7	86.0/0.7	102.5/0.7	122.0/0.7	155.0/0.7
32.0/0.8	34.4/0.8		42.0/0.8	50.0/0.8	54.5/0.8	62.5/0.8	83.5/0.8	97.5/0.8	111.0/0.7	140.0/0.8		
30.8/0.85	32.0/0.85		41.5/0.85	48.5/0.85	52.6/0.85	59.0/0.85	81.0/0.85	96.0/0.85	106.0/0.85	135.0/0.85		
28.8/1.0	30.8/1.0		38.8/1.0	46.0/1.0	50.0/1.0	54.5/1.0	77.5/1.0	90.7/1.0	93.0/1.0	118.0/1.0		
Nhiệt độ khí nén (°C)		40°C										
Electromotor (Động cơ điện)	Công suất (KW)	185	200	250	290	315	355	450	500	710	900	
	Tốc độ vòng quay (r/min)	2980								2985	2988	
	Phương thức khởi động	Y- Δ Starting										
	Điện áp (V)	380		380/6kv	10kv	380						
Kích thước máy	Dài (mm)	2850	2850	2850	2950	3300	3300	3500	3600	4100	4300	4600
	Rộng (mm)	1750	1800	2100	2250	2200	2200	2250	2250	2250	2300	2400
	Cao (mm)	1900	1900	2050	2050	2150	2150	2150	2250	2300	2400	2500
Trọng lượng (Kg)		3800	4135	5067/ 5230	5720	5750	5750	7000	7500	8100	9100	10.000
Độ ồn [db(A)]		74			75	76		80-82	80-82	82±2	83±2	
Công suất làm mát (M <sup>3</sup> /h)		9	9	15.2	16	16	18	18	24	29	37	
Áp suất hệ thống làm mát (Mpa)		0.2 – 0.4										